



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2188/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương
thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Công Thương (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, CLCS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Thanh Hoài

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số: 2188/QĐ-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Thực hiện Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Kế hoạch hành động nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xác định trong chiến lược liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành Công thương để đạt được mục tiêu đề ra của Chiến lược.

2. Kế hoạch hành động là căn cứ cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Công thương rà soát, xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình hành động theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Kế hoạch hành động là căn cứ để tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chiến lược; đồng thời là căn cứ để phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, trình Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung của Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

II. YÊU CẦU

Các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Công Thương xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung công việc, các nhiệm vụ dựa trên những yêu cầu cơ bản sau đây:

1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm cũng như các mục tiêu của Chiến lược đề ra:

1.1. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai Chiến lược và xây dựng các báo cáo định kỳ hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện.

1.2. Cụ thể hóa các yêu cầu tổ chức thực hiện chiến lược; thể hiện tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị và sự hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Công thương trong việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp Chiến lược.

1.3. Tổ chức thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược; giám sát quá trình thực hiện; đánh giá mức độ và khả năng đạt được các mục

tiêu của chiến lược, đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với bối cảnh để đảm bảo tính khả thi cao.

1.4. Đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các chương trình Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Đảng, các Chiến lược, quy hoạch và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương và của ngành Công Thương trong từng thời kỳ phát triển.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, Cục Công nghiệp, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

1.1. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa, chú trọng phát triển sản phẩm mới theo hướng hiện đại, phát triển sản phẩm có thể mạnh, thương hiệu mới và tham gia vào chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến sữa, ưu tiên, khuyến khích phát triển các thương hiệu sữa lớn có lợi thế.

1.2. Nghiên cứu phát triển thị trường, phát triển doanh nghiệp gắn với khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển bền vững ngành công nghiệp chế biến sữa.

1.3. Nghiên cứu, xây dựng đề án tái cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến sữa trên địa bàn vùng. Xây dựng đề án liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất, chế biến sữa.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ cụ thể gắn với nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của Kế hoạch hành động.

1. Nguồn kinh phí thực hiện

1.1. Ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối hằng năm và theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

1.2. Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch công tác hằng năm của Bộ Công Thương và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan đến phát triển ngành.

1.3. Nguồn kinh phí huy động hợp pháp từ các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; các chương trình, dự án hợp tác song phương,

đa phương; nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn xã hội hóa khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ căn cứ nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch hành động, xây dựng dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, từng giai đoạn, gửi Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương tổng hợp, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Thứ trưởng theo lĩnh vực phụ trách, bám sát các mục tiêu yêu cầu thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại kế hoạch hành động, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị chức năng được giao phụ trách triển khai thực hiện; bám sát các cơ sở, tăng cường làm việc các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội ngành, Doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan để bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương:

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện những nhiệm vụ và nội dung công tác thuộc lĩnh vực được giao, bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, thời hạn yêu cầu; tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành trong các lĩnh vực phụ trách, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với các vấn đề vượt thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ Đơn vị được giao.

- Thường xuyên theo dõi kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng năm tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ gửi Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện kế hoạch hành động Chiến lược.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bên liên quan trong tham mưu, đề xuất giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành các ngành, lĩnh vực, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Giao Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đôn đốc, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động. Trong quá trình thực hiện kế hoạch hành động nếu cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị chủ động đề xuất gửi Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
CÁC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH SỮA GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Quyết định số 2188 /QĐ-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
I. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý ngành sữa						
1.	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về chế biến, nhập khẩu, cung ứng, tiêu dùng sản phẩm sữa.	Cục Công nghiệp	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, Vụ Pháp chế; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo kiến nghị các văn bản quy phạm pháp luật	Thường xuyên	Bộ trưởng
2.	Xây dựng quy định truy xuất nguồn gốc bằng mã số định danh điện tử trên toàn chuỗi sản xuất sữa; kết nối dữ liệu sản xuất - chế biến - phân phối - tiêu dùng, bảo đảm công khai, minh bạch.	Cục Công nghiệp	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo, đề xuất giải pháp trình; văn bản theo thẩm quyền	2026 - 2030	Bộ trưởng
3.	Rà soát, hoàn thiện và triển khai chính sách khuyến khích liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm sữa.	Cục Công nghiệp	Vụ Pháp chế; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo; Văn bản theo thẩm quyền; Đề án triển khai	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
4.	Đề xuất giải pháp quản lý ghi nhãn, tên gọi sản phẩm sữa, tránh gây nhầm lẫn giữa các sản phẩm sữa.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Vụ Pháp chế; Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Bộ Y tế; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo, đề xuất kiến nghị cấp có thẩm quyền; văn bản theo thẩm quyền	2026 - 2027	Bộ trưởng
5.	Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế phối hợp kiểm tra, kiểm soát hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại sản phẩm sữa.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo đánh giá, đề xuất giải pháp; kiến nghị quy chế phối hợp	2026 - 2030	Bộ trưởng
6.	Triển khai đa dạng hóa chương trình truyền thông thay đổi nhận thức, thói quen sử dụng sữa của người Việt Nam.	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo; Văn bản theo thẩm quyền; Đề án triển khai	2026 - 2030	Bộ trưởng
7.	Đẩy mạnh thực thi các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường tại các cơ sở chế biến sữa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; tổ chức kiểm tra, giám sát và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Kế hoạch kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý vi phạm hằng năm	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
II. Phát triển thị trường sản phẩm sữa						
1.	Theo dõi diễn biến cung cầu, giá cả sữa trong nước và quốc tế; đề xuất giải pháp ổn định thị trường.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Xuất nhập khẩu; Cục Công nghiệp; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo định kỳ; đề xuất giải pháp	Thường xuyên	Bộ trưởng
2.	Xây dựng và triển khai đề án phát triển hệ thống phân phối nội địa cho sản phẩm sữa sản xuất trong nước.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Xúc tiến thương mại; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo, đề xuất giải pháp; đề án triển khai được phê duyệt	2026 - 2030	Bộ trưởng
3.	Tổ chức hoạt động khuyến khích doanh nghiệp ngành sữa tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế để mở rộng thị trường tiêu thụ.	Cục Xúc tiến thương mại	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài; Hiệp hội Sữa Việt Nam; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Kế hoạch tham gia hội chợ, triển lãm hằng năm; báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030	Bộ trưởng
4.	Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ mở rộng thị trường phân phối sữa tại nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Quản	Chương trình, đề án được phê duyệt và triển	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			lý và Phát triển thị trường trong nước; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	khai; báo cáo kết quả thực hiện		
5.	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại kinh doanh sữa trên kênh truyền thống và môi trường số.	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia; Bộ Y tế; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Kế hoạch kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm hằng năm	2026 - 2030	Bộ trưởng
6.	Tổ chức hoạt động quảng bá sản phẩm sữa nội địa gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Xúc tiến thương mại; Hiệp hội Sữa Việt Nam; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Kế hoạch lồng ghép được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện hằng năm	2026 - 2030	Bộ trưởng
7.	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại quốc tế ngành sữa qua văn phòng đại diện nước ngoài và thương mại điện tử xuyên biên giới.	Cục Xúc tiến thương mại	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; các đơn vị thuộc	Chương trình, đề án triển khai; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			Bộ và các cơ quan liên quan			
8.	Hỗ trợ doanh nghiệp sữa tìm kiếm đối tác thương mại qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đoàn công tác Chính phủ.	Cục Xúc tiến thương mại	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài; các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Chương trình, đề án triển khai; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ	2026 - 2030	Bộ trưởng
9.	Xây dựng hồ sơ thị trường xuất khẩu trọng điểm, tiềm năng; đề xuất giải pháp nâng cao năng lực đáp ứng của ngành sữa Việt Nam tại thị trường nước ngoài.	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài	Các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo nghiên cứu theo từng thị trường trọng điểm	2026 - 2030	Bộ trưởng
10.	Cập nhật thông tin, dự báo thị trường và kết nối giao thương ngành sữa qua Nền tảng số phát triển thị trường nước ngoài.	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài	Các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Viện Nghiên cứu Chiến lược,	Thông tin, dữ liệu được cập nhật thường xuyên trên Nền tảng số; báo cáo định kỳ	Thường xuyên; định kỳ hằng quý, hằng năm	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	hàng quý và báo cáo năm		
11.	Rà soát, sửa đổi hoặc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đối với sản phẩm sữa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Cục Công nghiệp	Vụ Pháp chế; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo đề xuất trình Lãnh đạo Bộ; danh mục QCVN cần rà soát; QCVN được sửa đổi hoặc xây dựng ban hành theo thẩm quyền	2026 - 2030	Bộ trưởng
12.	Xây dựng và triển khai đề án bảo đảm an ninh nguồn cung nguyên liệu sữa; đa dạng hóa giảm mức độ phụ thuộc vào một số thị trường nguyên liệu nhập khẩu.	Cục Xuất nhập khẩu	Cục Công nghiệp; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo đề xuất giải pháp; văn bản kiến nghị bổ sung quy định về điều kiện nhập khẩu	2026 - 2028	Bộ trưởng
III. Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp ngành sữa						
1.	Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành 3-5 doanh nghiệp sữa hàng đầu Việt Nam, đủ sức cạnh tranh và tham gia sâu chuỗi cung ứng quốc tế.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Công nghiệp, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp; các đơn vị thuộc	Đề án, chương trình hỗ trợ được phê duyệt; báo cáo đề xuất cơ chế, chính sách	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			Bộ và các cơ quan liên quan			
2.	Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ doanh nghiệp sữa phát triển chiến lược sản phẩm, xây dựng thương hiệu gắn với Chương trình Thương hiệu quốc gia, phù hợp cam kết quốc tế.	Cục Xúc tiến thương mại	Cục Công nghiệp; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Đề án, chương trình hỗ trợ được phê duyệt và triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030	Bộ trưởng
3.	Nghiên cứu chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sữa gắn với an sinh xã hội khu vực nông thôn.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Đề án; báo cáo đề xuất chính sách	2026 - 2028	Bộ trưởng
4.	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới quản trị, ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất, quy mô và chất lượng sản phẩm.	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Cục Công nghiệp; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và	Chương trình hỗ trợ được phê duyệt; văn bản hướng dẫn, khuyến nghị; báo cáo kết quả hàng năm	Thường xuyên	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			các cơ quan liên quan			
5.	Đề xuất giải pháp thúc đẩy liên kết doanh nghiệp và nâng cao vai trò hiệp hội ngành nghề nhằm tối ưu nguồn lực, giảm chi phí, mở rộng thị trường tiêu thụ sữa.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Công nghiệp; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách	2026 - 2028	Bộ trưởng
6.	Nghiên cứu giải pháp phát triển hạ tầng chuỗi lạnh và trung tâm thu gom hỗ trợ doanh nghiệp bảo quản sữa tươi nguyên liệu tại ba miền Bắc, Trung, Nam, giảm chi phí logistics.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Xuất nhập khẩu; Cục Công nghiệp; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Đề án; bản đồ nhu cầu và năng lực hạ tầng chuỗi lạnh theo ba miền; báo cáo đề xuất giải pháp	2026 - 2028	Bộ trưởng

IV. Đẩy mạnh khoa học công nghệ, hoàn thiện quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành sữa

1.	Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp sữa đẩy mạnh nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Cục Công nghiệp; Viện Công nghiệp thực phẩm; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Đề án; báo cáo đề xuất giải pháp	2026 - 2028	Bộ trưởng
2.	Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học về thiết bị, phụ gia, công	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi	Cục Công nghiệp; Viện	Chương trình hỗ trợ chuyển	Thường xuyên	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
	nghệ bảo quản, chế biến sữa để nâng cao năng suất, giá trị gia tăng.	xanh và Khuyến công	Công nghiệp thực phẩm; Bộ Khoa học và Công nghệ; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	giao công nghệ; văn bản hướng dẫn, khuyến nghị; báo cáo kết quả hằng năm		
3.	Hỗ trợ cơ sở nghiên cứu khoa học nâng cao năng lực kiểm nghiệm và ứng dụng công nghệ số truy xuất nguồn gốc thực phẩm.	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Công nghiệp; Bộ Khoa học và Công nghệ; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Chương trình, đề án triển khai được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Bộ trưởng
4.	- Phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm, đo lường, kiểm soát chất lượng đạt chuẩn quốc tế; - Nghiên cứu làm chủ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng theo hướng xanh, tuần hoàn; - Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ ngành, minh bạch hóa chuỗi cung ứng sữa; - Nghiên cứu giải pháp đa dạng hóa nguyên liệu, vật tư; phát triển công nghệ, thiết bị bao gói, bảo quản sản phẩm sữa chế biến.	Viện Công nghiệp thực phẩm	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Cục Công nghiệp; các Viện, Trường, doanh nghiệp và cơ quan liên quan	- Hệ thống phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025; - Công nghệ, quy trình chế biến, bảo quản và công thức sản phẩm sữa mới có giá trị	Thường xuyên	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
				dinh dưỡng cao; - Bộ cơ sở dữ liệu ngành sữa; bộ chỉ số giám sát an toàn thực phẩm sữa; báo cáo phân tích nguy cơ định kỳ; - Báo cáo, đề xuất giải pháp		
V. Phát triển nguồn nhân lực ngành sữa						
1.	Xây dựng tài liệu, tổ chức phổ biến, hỗ trợ doanh nghiệp sữa nâng cao năng lực quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu dùng, đạt chuẩn HACCP, ISO 22000.	Cục Công nghiệp	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Viện Công nghiệp thực phẩm; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Bộ tài liệu hướng dẫn được ban hành; số lượt doanh nghiệp được phổ biến, hướng dẫn hàng năm; báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
2.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quản lý nhà nước về công nghiệp chế biến sữa và an toàn thực phẩm.	Vụ Tổ chức cán bộ	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc bộ và các cơ quan liên quan	Chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện	2026 - 2030	Bộ trưởng
VI. Phát triển bền vững, xanh hóa ngành công nghiệp chế biến sữa						
1.	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến, sản xuất sạch hơn và đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) để phát triển nhãn xanh.	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Cục Công nghiệp; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Tài liệu hướng dẫn, khuyến nghị; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp; báo cáo kết quả hằng năm	Thường xuyên	Bộ trưởng
2.	Tăng cường kiểm tra an toàn môi trường, kiểm định thiết bị, hoàn thiện quan trắc tại các nhà máy sữa.	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả và kiến nghị xử lý vi phạm hằng năm	Thường xuyên	Bộ trưởng
3.	Đề xuất giải pháp thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển bền vững tại doanh nghiệp ngành sữa Việt Nam.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;	Đề án; báo cáo đề xuất giải pháp và bộ chỉ tiêu về năng	2026 - 2028	Bộ trưởng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện	Cấp trình
			Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Hiệp hội Sữa Việt Nam; các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	lượng, nước, phát thải, chất thải, bao bì		
VII. Kiểm tra, theo dõi giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động						
1.	Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Hệ thống theo dõi, đánh giá; báo cáo định kỳ	2026 - 2027	Bộ trưởng
2.	Tổng hợp, báo cáo định kỳ; sơ kết, tổng kết, cập nhật nội dung Kế hoạch hành động phù hợp từng giai đoạn.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan liên quan	Báo cáo hằng năm; báo cáo sơ kết, tổng kết	Thường xuyên	Bộ trưởng